

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 22/2025/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2025 về việc “Ly hôn”, giữa:

Nguyên đơn: Bà Trương Thị Thu H, sinh năm 1978;

Số Căn cước: 064178005802 cấp ngày 21/11/2024;

Địa chỉ: Tổ C, phường T, tỉnh Gia Lai.

Bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc B, sinh năm 1969;

Số CCCD: 044069003097 cấp ngày 20/4/2022;

Địa chỉ: Thôn K, xã T, tỉnh Quảng Trị.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 7 năm 2025,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 7 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Trương Thị Thu H và ông Nguyễn Ngọc B.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về nuôi con chung: Bà Trương Thị Thu H và ông Nguyễn Ngọc B thống nhất vợ chồng có 01 con chung tên là Nguyễn Bảo N, sinh ngày 10/7/2003, hiện con Nguyễn Bảo N đã trên 18 tuổi nên hai bên thoả thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết về nuôi con.

- *Về chia tài sản và nợ chung*: Bà Trương Thị Thu H và ông Nguyễn Ngọc B thống nhất vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí*: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Trương Thị Thu H và ông Nguyễn Ngọc B mỗi người chịu 75.000 đồng án phí ly hôn. Bà H thỏa thuận chịu thay án phí ly hôn cho ông B. Số tiền án phí bà H phải nộp được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: BLTU/23/0000485, ngày 28/7/2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 - Quảng Trị. Bà H được nhận lại 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 4-Quảng Trị;
- UBND xã Trường Ninh;
- THADS tỉnh Quảng Trị;
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Thị Nhàn